TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 36/2023/DS - ST

Ngày: 31/3/2023

V/v:"tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Hoàng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Bảng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2022/TB-TLVA ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 371/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.NgU đơn: ông Nguyễn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: 164 thôn PH, xã PHI, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2.Bị đơn: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1983

Bà Lộc Thụy Vy U (Lộc Thị Vy U), sinh năm 1983

Địa chỉ: hẻm 89, PDP, TT. LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông H có mặt; ông V, bà U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tron đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ngU đơn ông Nguyễn H trình bày:

NgU vào năm 2020, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U diện tích 949,6m^2 thuộc 01 phần thửa 291 tờ bản đồ 37, xã PHI, Đ (giấy viết tay); sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông V, bà U thì ông đã đầu tư xây nhà nuôi chim yến trên đất, công trình đã hoàn thành nhưng ông V, bà U vẫn không chịu tách thửa sang tên quyền sử dụng đất cho ông mà còn tiếp tục chuyển nhượng ngU thửa 291 tờ bản đồ 37, xã PHI, Đ cho người khác; khi ông phát hiện ông V, bà U chuyển nhượng đất cho người khác, ông đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ để yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng ông V bà U đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho ông và trả lại tiền chuyển nhượng đất ông đã giao cho ông V bà U với số tiền tổng cộng là 1.820.000.000đồng; khi thực hiện thỏa thuận thì 02 bên đã lập văn bản thỏa thuận ngày 12/10/2022 với nội dung: "vợ chồng ông V, bà U đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 1.820.000.000đồng; do chưa đủ nên nay vợ chồng ông V, bà U giao trước cho ông H 1.500.000.000đồng; còn lại 320.000.000đồng thì ông V, bà U xin nợ lại và cam kết trả hết trong vòng 30 ngày ….". Sau khi viết giấy thỏa thuận xong thì ông V, bà U viết cho ông giấy vay tiền trong cùng ngày 12/10/2022.

Tuy nhiên, trong thời gian thỏa thuận trả nợ như trên thì ông V, bà U không thực hiện như thỏa thuận, sau khi trả cho ông được 1.500.000.000đồng vào ngày 12/10/2022 thì ông V bà U không trả thêm cho ông được đồng nào, ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả;

Cho nên ngày 06/12/2022, ông đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông V, bà U trả cho ông số tiền 320.000.000đồng và lãi suất theo chứng cứ là giấy vay tiền ngày 12/10/2022 và Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp vay tài sản giữa ông và ông V, bà U; nhưng thực chất thì giấy vay tiền mà ông V, bà U xác nhận cho ông có nguồn gốc từ việc ông V bà U đã thỏa thuận bồi thường tiền ông đầu tư công trình trên đất và tiền giao nhận chuyển nhượng đất nhưng còn nợ lại ông 320.000.000đồng chứ không phải là tiền ông V, bà U vay tiền của ông;

Nay ông yêu cầu ông V bà U trả cho ông số tiền 320.000.000đồng và lãi 1.2%/tháng trên số tiền 320.000.000đồng tính từ ngày 12/11/2022 đến nay làm tròn là 03 tháng với số tiền lãi là 11.520.000đồng; tổng cộng 331.520.000đồng.

Trước đây, khi khởi kiện, ông căn cứ vào giấy vay tiền mà ông V, bà U ký nhận với ông nên ông khởi kiện tranh chấp vay tài sản theo chứng cứ giấy vay tiền ngày 12/10/2022; nay ông có yêu cầu sửa đổi sung là yêu cầu ông V bà U trả lại cho ông số tiền mà ông V bà U đã đồng ý thỏa thuận khi vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 291 tờ bản đồ 37, PHI, Đ vào năm 2020 là 320.000.000đồng và lãi 1.2%/tháng trên số tiền 320.000.000đồng tính từ ngày 12/11/2022 đến nay làm tròn là 03 tháng với số tiền lãi là 11.520.000đồng; tổng cộng 331.520.000đồng, theo bản thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/10/2022.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U đã được Tòa án tiến hành giao nhận và niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy

triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U nhưng ông V, bà U vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V, bà U vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà U liên đới trả cho ông số tiền 320.000.000đồng; ông xin rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, không yêu cầu ông V, bà U trả cho ông số tiền lãi 11.520.000đồng nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể:

-Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 105, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn ông Nguyễn H, buộc ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U phải liên đới trả cho ông Nguyễn H số tiền 320.000.000đồng; đối với số tiền lãi suất, tại phiên tòa, ngU đơn ông H đã rút một phần yêu cầu, không yêu cầu ông V, bà U trả cho ông số tiền lãi suất 11.520.000đồng nữa nên không xem xét giải quyết; về án phí: ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: xuất phát từ việc vào năm 2020, ông H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U diện tích 949,6m^2 thuộc 01 phần thửa 291 tờ bản đồ 37, PHI, Đ (giấy viết tay); sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông V, bà U thì ông đã đầu tư xây nhà nuôi chim yến trên đất, công trình đã hoàn thành nhưng ông V, bà U vẫn không chịu tách thửa sang tên quyền sử dụng đất cho ông và còn tiếp tục

chuyển nhượng ngU thửa 291 tờ bản đồ 37, PHI, Đ cho người khác; khi ông phát hiện ông V, bà U chuyển nhượng đất cho người khác, ông đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ để yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng ông V bà U đã thỏa thuận bồi thường cho ông và trả lại tiền chuyển nhượng đất ông đã giao cho ông V bà U với số tiền tổng cộng là 1.820.000.000đồng; khi thực hiện thỏa thuận thì 02 bên đã lập văn bản thỏa thuận ngày 12/10/2022 với nội dung: "vợ chồng ông V, bà U đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 1.820.000.000đồng; do chưa đủ nên nay vợ chồng ông V, bà U giao trước cho ông H 1.500.000.000đồng; còn lại 320.000.000đồng thì ông V, bà U xin nợ lại và cam kết trả hết trong vòng 30 ngày ….". Sau khi viết giấy thỏa thuận xong thì ông V, bà U viết cho ông giấy vay tiền trong cùng ngày 12/10/2022. Tuy nhiên, trong thời gian thỏa thuận trả nợ như trên thì ông V, bà U không thực hiện như thỏa thuận, sau khi trả cho ông được 1.500.000.000đồng vào ngày 12/10/2022 thì ông V bà U không trả thêm cho ông được đồng nào, ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả; trước đây, khi khởi kiện, ông căn cứ vào giấy vay tiền mà ông V, bà U ký nhận với ông nên ông khởi kiện tranh chấp vay tài sản theo chứng cứ giấy vay tiền ngày 12/10/2022 cho nên Tòa án thụ lý vụ án về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; nay ông có yêu cầu sửa đổi sung là yêu cầu ông V bà U trả lại cho ông số tiền mà ông V bà U đã đồng ý thỏa thuận khi vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 291 tờ bản đồ 37, PHI, Đ vào năm 2020 còn thiếu là 320.000.000đồng và căn cứ vào lời khai và chứng cứ thu thập trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có địa chỉ cư trú tại TT. LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn, ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U (Lộc Thị Vy U) vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên cần căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự*:

[2.1]Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: chứng cứ do ngU đơn xuất trình là giấy vay tiền ngày 12/10/2022 (bản chính), văn bản thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/10/2022 (bản chính); và ngU đơn khai vào tháng 8/2022 ông khởi kiện ông V bà U đến Tòa án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông V, bà U; quá trình giải quyết tại Tòa án, ông V bà U đã thỏa thuận "vợ chồng ông V, bà U đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 1.820.000.000đồng; do chưa đủ nên nay vợ chồng ông V, bà U giao trước cho ông H 1.500.000.000đồng; còn lại 320.000.000đồng

thì ông V, bà U xin nợ lại và cam kết trả hết trong vòng 30 ngày; và thỏa thuận sau khi nhận 1.500.000.000đồng, ông H có trách nhiệm rút đơn khởi kiện..", cho nên ông V đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ vụ án, nhưng sau đó ông V bà U không tiếp tục thực hiện thỏa thuận, chưa trả hết số tiền thỏa thuận trả cho ông còn lại 320.000.000đồng. Nên ông H khởi kiện vụ án yêu cầu ông V bà U trả số tiền 320.000.000đồng và lãi suất…. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định giữa ông H và ông V, bà U có thành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sau khi 02 bên thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng và ông V, bà U có thỏa thuận trả lại cho ông H số tiền nêu trên là có xảy ra trên thực tế.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt cho ông V, bà U nhưng ông V, bà U vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì.

[2.3] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền như nêu trên mặc dù ông H đã yêu cầu nhiều lần nên ông H khởi kiện yêu cầu ông V, bà U phải trả lại số tiền 320.000.000đồng là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất: tại phiên tòa, ngU đơn đã rút phần yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu ông V, bà U phải trả lãi đối với việc chậm thực hiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ngU đơn.

Từ những nhận định và phân tích như trên, cần buộc ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U phải trả cho ông Nguyễn H số tiền 320.000.000đồng.

[3] *Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ngU đơn là 320.000.000đồng x 5% = 16.000.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 105, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn ông Nguyễn H về việc "tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U (Lộc Thị Vy U) phải liên đới trả cho ông Nguyễn H số tiền 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng)

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của ngU đơn ông Nguyễn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U (Lộc Thị Vy U) trả cho ông H số tiền lãi 11.520.000đồng.

2. *Về án phí*: buộc ông Nguyễn Văn V, bà Lộc Thụy Vy U (Lộc Thị Vy U) phải liên đới chịu 16.000.000đồng (mười sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn H 8.080.000đồng (tám triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008451 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: ngU đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tU án sơ thẩm (31/3/2023); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền `thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc **Cao Đình Nhân** **Lê Thị Thanh Vũ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Vũ